

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 152/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về “Đòi lại tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Phan Hoài T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn:

- Ông Ngô Thanh H, sinh năm 1964.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: 417, tổ 16, ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L:

Ông Ngô Thanh H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 417, tổ 16, ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Ngô Thị Thùy L1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 417, tổ 16, ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Anh Nguyễn Đăng H1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Ngô Thanh H, bà Nguyễn Thị L và chị Ngô Thị Thùy L1 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời mái che nền lát gạch, mái tôn diện tích $26.88m^2$ ($2.8m \times 9.6m$), trả cho anh Nguyễn Thế P phần đất có diện tích $27.6m^2$ thuộc thửa đất số 290a, tờ bản đồ số 13, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Anh Nguyễn Thế P có nghĩa vụ giao cho ông Ngô Thanh H, bà Nguyễn Thị L và chị Ngô Thị Thùy L1 số tiền hỗ trợ chi phí di dời mái che là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Thời gian giao tiền là vào ngày 16 tháng 5 năm 2022.

- Ông Ngô Thanh H, bà Nguyễn Thị L và chị Ngô Thị Thùy L1 được quyền sử dụng $37.8m^2$ đất thuộc thửa số 290b, tờ bản đồ số 13, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (hiện tại, thửa đất do anh Nguyễn Thế P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trên đất có các tài sản của ông Ngô Thanh H, bà Nguyễn Thị L và chị Ngô Thị Thùy L1 gồm: nhà nền lát gạch Ceramic, móng cột, trụ đà bê tông cốt thép, vách tường sơn, mái tôn tráng kẽm, trần nhựa, diện tích $20m^2$ và mái che nhà sau nền lát gạch Ceramic, mái tôn, diện tích $3m^2$.

- Ông Ngô Thanh H, bà Nguyễn Thị L và chị Ngô Thị Thùy L1 được quyền sử dụng $45.6m^2$ đất thuộc thửa số 292a, tờ bản đồ số 13, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (hiện tại, thửa đất do anh Nguyễn Đăng H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trên đất có các tài sản của ông Ngô Thanh H, bà Nguyễn Thị L và chị Ngô Thị Thùy L1 gồm: nhà nền lát gạch Ceramic, móng cột, trụ đà bê tông cốt thép, vách tường sơn, mái tôn tráng kẽm, trần nhựa, diện tích $22m^2$; nhà vệ sinh nền

lát gạch, vách tường dán gạch, cột gạch, diện tích 3.04 m² và mái che nhà sau nền lát gạch Ceramic, mái tôn, diện tích 0.45m².

(Các phần đất nêu trên có tứ cận và các thông tin khác theo hồ sơ đo đạc kèm theo Quyết định).

Các phần đất nêu trên có diện tích ít hơn diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn ở trên đất đã lâu và đã xây nhà ở kiên cố trên phần lớn diện tích đất nói trên từ năm 2000. Các đương sự đều thống nhất hiện tại bị đơn không có phần đất nào khác. Bị đơn có yêu cầu được giải quyết để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và để ổn định cuộc sống. Nhận thấy cần thiết phải tách thửa mới giải quyết toàn diện vụ án. Vì vậy, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thế P tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí trong tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí trên số tiền phải giao cho ông Ngô Thanh H, bà Nguyễn Thị L, chị Ngô Thị Thùy L1. Tổng cộng, anh Nguyễn Thế P phải chịu số tiền án phí là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào các số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008477 ngày 02 tháng 7 năm 2021, 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004571 ngày 29 tháng 12 năm 2021 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007263 ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Anh Nguyễn Đăng H1 tự nguyện chịu án phí số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007264 ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Trả lại anh Nguyễn Đăng H1 số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Về chi phí tố tụng khác:

Anh Nguyễn Thế P tự nguyện chịu và đã nộp đủ chi phí đo đạc, định giá thực hiện theo yêu cầu của anh, số tiền là 2.346.000đ (hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Ông Ngô Thanh H tự nguyện chịu và đã nộp đủ chi phí đo đạc, định giá thực hiện theo yêu cầu của ông, số tiền là 2.346.000đ (hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thu Trang